



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ tài chính là 221 người. Trong đó, nhân viên quản lý 26 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Huỳnh Bá Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Bà Trần Thị Quỳnh Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Văn Sơn

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1242 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 12/8/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Lê Vĩnh Hà
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1216/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN		Mã	Thuyết	30/06/2010	01/01/2010
		số	minh	VND	VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.023.151.575	83.744.944.632
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.030.146.608	9.743.693.770
1	Tiền	111		3.484.676.295	5.698.223.457
2	Các khoản tương đương tiền	112		6.545.470.313	4.045.470.313
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	200.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	6	400.000.000	200.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.932.028.767	41.994.491.726
1	Phải thu của khách hàng	131		26.725.930.043	41.674.158.866
2	Trả trước cho người bán	132		355.057.629	414.850.862
3	Các khoản phải thu khác	135		2.718.195	57.159.098
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(151.677.100)	(151.677.100)
IV	Hàng tồn kho	140		42.248.700.703	31.444.168.997
1	Hàng tồn kho	141	8	42.249.107.068	31.539.859.105
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(406.365)	(95.690.108)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.412.275.497	362.590.139
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	322.275.147	342.608.139
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		796.439.473	-
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	10	293.560.877	19.982.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.765.543.046	32.992.630.028
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		19.499.347.638	26.564.389.745
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.366.479.737	13.329.169.410
	- Nguyên giá	222		21.677.107.293	21.275.230.687
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.310.627.556)	(7.946.061.277)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12	-	10.912.153.088
	- Nguyên giá	228		167.790.500	11.697.785.600
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.790.500)	(785.632.512)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	6.132.867.901	2.323.067.247
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.593.000.000	4.453.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251	14	3.000.000.000	3.000.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác	258	15	593.000.000	1.453.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		13.673.195.408	1.975.240.283
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	16	13.673.195.408	1.975.240.283
2	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.788.694.621	116.737.574.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		37.903.109.438	38.899.834.007
I	Nợ ngắn hạn	310		37.875.764.234	38.894.678.325
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	17	3.503.000.000	6.236.512.973
2	Phải trả cho người bán	312		27.774.058.865	12.101.413.476
3	Người mua trả tiền trước	313		313.377.658	2.339.053.687
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.410.503.609	2.931.328.148
5	Phải trả người lao động	315		2.309.842.155	4.911.264.272
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	2.246.686.120	8.699.872.176
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		318.295.827	1.675.233.593
II	Nợ dài hạn	330		27.345.204	5.155.682
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		27.345.204	5.155.682
2	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.885.585.183	77.837.740.653
I	Vốn chủ sở hữu	410		79.885.585.183	77.837.740.653
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		12.325.320.000	12.325.320.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	1.404.427.951	1.404.427.951
4	Cổ phiếu quỹ	414		(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.355.655)	(13.449.554)
6	Quỹ đầu tư phát triển	417	20	9.287.115.316	9.287.115.316
7	Quỹ dự phòng tài chính	418	20	942.495.244	942.495.244
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	2.554.550.104	511.799.473
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		117.788.694.621	116.737.574.660
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				30/06/2010	01/01/2010
Ngoại tệ các loại			USD	22.176,73	258,23

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	75.314.038.519	78.913.092.256
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	210.688.146	475.132.390
3 Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	21	75.103.350.373	78.437.959.866
4 Giá vốn hàng bán	11	22	63.219.055.933	66.708.988.086
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và c/cấp d/vụ	20		11.884.294.440	11.728.971.780
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	384.922.821	212.108.843
7 Chi phí tài chính	22	24	442.133.750	477.596.612
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23		235.889.802	340.678.301
8 Chi phí bán hàng	24		4.657.711.663	4.040.877.309
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.924.569.183	4.671.318.072
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.244.802.665	2.751.288.630
11 Thu nhập khác	31	25	96.002.810	34.503.411
12 Chi phí khác	32	26	4.258.541	100.881.277
13 Lợi nhuận khác	40		91.744.269	(66.377.866)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	2.336.546.934	2.684.910.764
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	293.796.303	234.929.692
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	2.042.750.631	2.449.981.072
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	380	447

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	90.411.926.658	85.704.171.434
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(66.635.460.894)	(74.064.304.196)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.466.657.796)	(9.050.021.010)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(235.889.802)	(340.678.301)
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(234.929.692)	(525.216.512)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.760.518.691	2.635.632.186
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.536.975.902)	(5.910.807.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.062.531.263	(1.551.224.085)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(597.349.600)	(13.342.500)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000)	-
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(140.000.000)	(1.350.000.000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	350.761.848	166.242.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	413.412.248	(1.197.100.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(2.592.332.867)
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.127.000.000	3.939.932.012
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.860.512.973)	(431.000.000)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.457.236.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.190.748.973)	916.599.145
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	285.194.538	(1.831.725.252)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.743.693.770	20.557.311.645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.258.300	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.030.146.608	18.725.586.393

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Thành Phố Hồ Chí Minh (tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
---------------------	---------------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phần mềm máy tính

3

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Công ty được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2006 Công ty đã có thu nhập chịu thuế, do đó công ty được miễn thuế trong 2 năm (2006 - 2007) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (Từ năm 2008 đến hết năm 2010).
 - Ngoài ra, Công ty còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, công ty được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (Năm 2011 - 2012).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	358.540.870	354.036.643
Tiền gửi ngân hàng	3.126.135.425	5.344.186.814
Tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	6.545.470.313	4.045.470.313
Cộng	10.030.146.608	9.743.693.770

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	400.000.000	200.000.000
Cộng	400.000.000	200.000.000

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Dự phòng cho khoản nợ phải thu Lê Công Luật	(151.677.100)	(151.677.100)
Cộng	(151.677.100)	(151.677.100)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.628.118.719	5.063.817.103
Công cụ, dụng cụ	7.190.438	7.934.439
Chi phí SX, KD dở dang	1.136.359.003	60.332.275
Thành phẩm	12.593.614.771	7.867.705.495
Hàng hóa	21.883.824.137	18.540.069.793
Cộng	42.249.107.068	31.539.859.105

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	260.883.148	303.562.685
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	61.391.999	39.045.454
Cộng	322.275.147	342.608.139

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	51.045.383	-
Tạm ứng	242.515.494	19.982.000
Cộng	293.560.877	19.982.000

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.233.705.428	2.731.256.698	2.435.876.451	874.392.110	21.275.230.687
Tăng trong kỳ	-	504.136.000	-	39.963.636	544.099.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	142.223.030	-	142.223.030
Số cuối kỳ	15.233.705.428	3.235.392.698	2.293.653.421	914.355.746	21.677.107.293
Khấu hao					
Số đầu năm	3.911.416.913	1.606.470.981	1.664.594.037	763.579.346	7.946.061.277
Tăng trong kỳ	209.816.362	180.761.574	81.082.190	35.129.183	506.789.309
Thanh lý, nhượng bán	-	-	142.223.030	-	142.223.030
Số cuối kỳ	4.121.233.275	1.787.232.555	1.603.453.197	798.708.529	8.310.627.556
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.322.288.515	1.124.785.717	771.282.414	110.812.764	13.329.169.410
Số cuối kỳ	11.112.472.153	1.448.160.143	690.200.224	115.647.217	13.366.479.737

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2010 là: 2.742.320.875 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.529.995.100	167.790.500	11.697.785.600
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	11.529.995.100	-	11.529.995.100
Số cuối kỳ	-	167.790.500	167.790.500
Khấu hao			
Số đầu năm	617.842.012	167.790.500	785.632.512
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	617.842.012	-	617.842.012
Số cuối kỳ	-	167.790.500	167.790.500
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.912.153.088	-	10.912.153.088
Số cuối kỳ	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Công trình tại Khu công nghiệp Sóng Thần	6.012.686.316	1.667.860.662
Thẩm định giá trị bất động sản 223 Nguyễn Tri Phương	120.181.585	120.181.585
Nhà xưởng 122 Phan Văn Trị	-	535.025.000
Cộng	6.132.867.901	2.323.067.247

14. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

Đây là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng là 3.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư góp vốn	593.000.000	453.000.000
<i>Công ty CP Sách giáo dục Tây Ninh</i>	<i>103.000.000</i>	<i>103.000.000</i>
<i>Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định</i>	<i>490.000.000</i>	<i>350.000.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000
<i>NXB GD tại TP. Hồ Chí Minh (cho vay)</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000.000</i>
Cộng	<u>593.000.000</u>	<u>1.453.000.000</u>

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 của các đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của 6 tháng đầu năm 2010 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	239.962.836	138.629.782
Sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	396.315.804	396.315.804
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.142.739.235	1.033.301.932
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	1.078.314.194	-
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần	8.808.301.023	-
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân Tạo	1.984.835.045	-
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	22.727.271	-
Thuê đất - Nguyễn Xí	-	406.992.765
Cộng	<u>13.673.195.408</u>	<u>1.975.240.283</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN	-	2.150.512.973
Vay cá nhân	3.503.000.000	4.086.000.000
Cộng	3.503.000.000	6.236.512.973

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.233.911.971
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.436.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400.064.805	1.341.198.194
Thuế thu nhập cá nhân	10.438.804	63.704.999
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	288.076.800
Cộng	1.410.503.609	2.931.328.148

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	144.305.421	210.732.741
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	370.987	-
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	-	6.457.236.000
Hoa hồng và các khoản phải trả khác	1.378.238.712	1.308.132.435
+ Hoa hồng phải trả	217.471.825	684.106.100
+ Thù lao phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	298.150.000
+ CBCNV nộp tiền góp vốn Công ty CP GD An Đông	600.000.000	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	560.766.887	325.876.335
Cộng	2.246.686.120	8.699.872.176

20. Vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2009	56.655.300.000	923.674.199	6.278.149.361	461.741.492	719.236.699
Tăng trong năm	-	480.753.752	3.008.965.955	480.753.752	11.662.533.489
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.869.970.715
Số dư tại 31/12/2009	56.655.300.000	1.404.427.951	9.287.115.316	942.495.244	511.799.473
Số dư tại 01/01/2010	56.655.300.000	1.404.427.951	9.287.115.316	942.495.244	511.799.473
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.042.750.631
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	56.655.300.000	1.404.427.951	9.287.115.316	942.495.244	2.554.550.104

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục	29.767.680.000	29.767.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.042.620.000	24.042.620.000
Giá trị của cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2.845.000.000	2.845.000.000
Cộng	56.655.300.000	56.655.300.000

c. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010		01/01/2010
	VND		VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.680.640	-	5.680.640
- Cổ phiếu thường	5.680.640		5.680.640
- Cổ phiếu ưu đãi	-		-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530		5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530		5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-		-
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500		284.500
- Cổ phiếu thường	284.500		284.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030		5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.381.030		5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi	-		-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND			

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010		01/01/2010
	VND		VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	511.799.473		719.236.699
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.042.750.631		11.662.533.489
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	-		11.869.970.715
- Thuế được miễn giảm tăng quỹ đầu tư phát triển	-		2.047.458.451
- Trích các quỹ	-		3.365.276.264
- Chia cổ tức	-		6.457.236.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.554.550.104		511.799.473

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng doanh thu	75.314.038.519	78.913.092.256
+ Doanh thu bán sách và sản phẩm in	43.739.728.761	50.759.779.584
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	31.345.841.470	27.951.389.399
+ Doanh thu khác	228.468.288	201.923.273
Các khoản giảm trừ doanh thu	210.688.146	475.132.390
+ Hàng bán bị trả lại	210.688.146	474.530.614
+ Giảm khác (điều chỉnh thuế suất)	-	601.776
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.103.350.373	78.437.959.866

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	38.526.975.925	43.948.058.452
Giá vốn thiết bị giáo dục	24.648.435.120	22.686.563.655
Giá vốn hàng hóa khác	43.644.888	74.365.979
Cộng	63.219.055.933	66.708.988.086

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi	300.237.571	166.242.188
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.524.277	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	34.160.973	45.866.655
Cộng	384.922.821	212.108.843

24. Chi phí tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	235.889.802	340.678.301
Chiết khấu thanh toán	185.486.859	136.918.311
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.757.089	-
Cộng	442.133.750	477.596.612

25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Vận chuyển, lắp đặt thiết bị	21.818.181	-
In sang gia công	2.364.545	-
Thu nhập khác	71.820.084	34.503.411
Cộng	96.002.810	34.503.411

26. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Xử lý tài sản thiếu sau kiểm kê	4.255.604	-
Chi phí khác	2.937	100.881.277
Cộng	4.258.541	100.881.277

27. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.336.546.934	2.684.910.764
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.272.199.165	2.684.910.764
- Hoạt động khác không được ưu đãi	64.347.769	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(50.524.277)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	50.524.277	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.286.022.657	2.684.910.764
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.221.674.888	2.684.910.764
- Hoạt động khác không được ưu đãi	64.347.769	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.505.664	671.227.691
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	555.418.722	671.227.691
- Hoạt động khác không được ưu đãi	16.086.942	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	277.709.361	436.297.999
Thuế TNDN được giảm 50% theo ưu đãi thuế TNDN	277.709.361	335.613.846
Thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư 03/2009	-	100.684.153
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	293.796.303	234.929.692,00
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.042.750.631	2.449.981.072

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.042.750.631	2.449.981.072
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.042.750.631	2.449.981.072
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.381.030	5.478.383
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	380	447

29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
CTy Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng	Công ty con

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Cung ứng sách giáo khoa	3.111.200.909
Công ty CP Sách Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	22.202.087.329
CTy Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo giáo dục, văn hóa phẩm	13.639.855.943
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Cung ứng sách tham khảo,	534.976.031
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng, đĩa giáo dục... văn hóa phẩm	20.832.000
Bán hàng		
Công ty CP Sách Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Mua sách	2.457.750
CTy Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Mua sách, đĩa, thiết bị	349.536.254
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Mua sách	688.359.823
Công ty CP Học Liệu	Mua sách	817.348.990
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua sách, thiết bị	256.662.762

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Công ty CP Sách Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Phải trả người bán	-	11.199.629.579
CTy Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán	-	7.996.304.927
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải trả người bán	-	900.855.783
Công ty CP Học Liệu	Phải thu khách hàng	741.408.295	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	634.558.886	-
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải thu khách hàng	688.359.823	-
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng	Nợ gốc vay	400.000.000	-
Cộng		2.464.327.004	20.096.790.289

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010